



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**



Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số

1600192619

ngày 27 tháng 9 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 9 tháng 11 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Văn Thôn	Chủ tịch
Ông Lê Phước Đức	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Mỹ	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Tùng	Thành viên
Ông Võ Văn Á	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ám	Thành viên
Ông Phạm Thanh Thọ	Thành viên
Ông Trần Quốc Thanh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Văn Thôn	Tổng Giám đốc
Ông Lê Phước Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Trần Tiến Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Lê Thu Hiền	Phó Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Phan Bá Ngọc Phương	Thành viên
Ông Huỳnh Thanh Nhuận	Thành viên
Bà Võ Thị Thùy Tiên	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 23 Hà Hoàng Hổ
Phường Mỹ Xuyên
Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 53 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Huỳnh Văn Thôn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 53.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán: 16-01-859 (c)



Lâm Thị Ngọc Hào

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0866-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1901-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		4.270.434.338.723	4.545.424.618.153
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	278.935.723.403	190.191.854.524
Tiền	111		278.935.723.403	190.191.854.524
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	14(a)	25.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		25.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.733.262.752.136	1.525.882.245.793
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.693.704.929.730	1.441.310.362.633
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		61.689.194.088	74.134.949.448
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	129.541.335.150	124.986.010.470
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(151.672.706.832)	(114.549.076.758)
Hàng tồn kho	140	10	2.170.130.746.170	2.684.123.764.725
Hàng tồn kho	141		2.193.188.187.587	2.695.423.165.388
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(23.057.441.417)	(11.299.400.663)
Tài sản ngắn hạn khác	150		63.105.117.014	145.226.753.111
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	10.456.326.990	7.772.341.096
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		52.363.530.586	87.106.841.585
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	19(b)	285.259.438	50.347.570.430
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.888.670.450.306	1.860.584.385.267
Tài sản cố định	220		1.562.659.287.704	1.557.717.491.452
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.224.862.955.176	1.222.324.100.565
Nguyên giá	222		1.693.103.145.091	1.570.330.882.946
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(468.240.189.915)	(348.006.782.381)
Tài sản cố định vô hình	227	12	337.796.332.528	335.393.390.887
Nguyên giá	228		341.529.532.062	338.551.008.983
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.733.199.534)	(3.157.618.096)
Tài sản dở dang dài hạn	240		176.300.536.749	203.185.750.236
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	176.300.536.749	203.185.750.236

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14(b)	202.000.000	9.220.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		202.000.000	10.933.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(1.713.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		149.508.625.853	90.461.143.579
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	131.689.732.959	73.335.538.720
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	17.447.647.291	16.692.484.989
Lợi thế thương mại	269	17	371.245.603	433.119.870
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.159.104.789.029	6.406.009.003.420
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.983.092.975.788	4.301.547.349.600
Nợ ngắn hạn	310		3.857.391.295.142	3.866.168.850.394
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	1.545.244.521.352	1.270.010.588.445
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		43.290.512.554	23.190.616.968
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19(a)	78.152.281.955	12.467.695.422
Phải trả người lao động	314		44.128.012.188	1.424.648.207
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	62.282.358.161	137.131.557.176
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	130.940.331.908	12.125.044.896
Vay ngắn hạn	320	22(a)	1.905.444.686.305	2.325.251.405.309
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	23	47.908.590.719	84.567.293.971
Nợ dài hạn	330		125.701.680.646	435.378.499.206
Phải trả dài hạn khác	337		1.690.000.000	2.940.000.000
Vay dài hạn	338	22(b)	73.721.650.000	371.759.700.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	50.290.030.646	60.678.799.206

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.176.011.813.241	2.104.461.653.820
Vốn chủ sở hữu	410	25	2.176.011.813.241	2.104.461.653.820
Vốn cổ phần	411	26	671.611.500.000	671.611.500.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		278.073.000.000	278.073.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		375.981.959	432.836.622
Quỹ đầu tư phát triển	418		685.861.374.028	671.211.802.746
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		179.556.267.456	178.667.704.543
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		334.859.555.015	282.317.345.691
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		282.317.345.691	344.999.475.616
- Chi trả cổ tức	421a	27	(201.483.450.000)	(195.391.599.000)
- Trích lập và hoàn nhập các quỹ	421a		(93.002.407.702)	(185.858.224.928)
- Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ sở hữu	421b		-	(440.858.901)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		347.028.067.026	319.008.552.904
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		25.674.134.783	22.147.464.218
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.159.104.789.029	6.406.009.003.420

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Tấn Hoàng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Thôn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	8.001.622.093.866	8.026.991.082.554
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	218.573.334.191	171.104.574.558
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	29	7.783.048.759.675	7.855.886.507.996
Giá vốn hàng bán	11	30	6.167.135.697.085	6.118.625.914.062
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.615.913.062.590	1.737.260.593.934
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	24.944.044.402	24.436.329.313
Chi phí tài chính	22	32	149.850.648.969	205.458.613.243
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>114.939.772.220</i>	<i>118.328.224.198</i>
Chi phí bán hàng	25	33	627.866.999.550	690.448.862.343
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	426.942.526.244	440.978.198.651
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {(30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))}	30		436.196.932.229	424.811.249.010
Thu nhập khác	31	35	30.130.684.211	26.158.851.990
Chi phí khác	32		2.674.080.113	26.133.527.215
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		27.456.604.098	25.324.775
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		463.653.536.327	424.836.573.785
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	115.665.458.038	103.395.650.285
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	(755.162.302)	2.021.256.537
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		348.743.240.591	319.419.666.963

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 02 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	60		348.743.240.591	319.419.666.963
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		347.028.067.026	319.008.552.904
Cổ đông không kiểm soát	62		1.715.173.565	411.114.059
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	4.392	4.083

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Tân Hoàng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Thôn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2016	2015
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		463.653.536.327	424.836.573.785
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		122.411.203.837	104.564.808.597
Các khoản dự phòng	03		38.763.692.651	48.533.554.783
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		8.733.938.594	52.583.576.144
(Lãi)/lỗ từ thanh lý tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	05		(14.216.711.852)	1.235.498.351
Lỗ do xóa sổ tài sản cố định	05		-	169.051.064
Lãi cho vay, tiền gửi và cổ tức	05		(3.324.779.075)	(4.102.271.636)
Chi phí lãi vay	06		114.939.772.220	118.328.224.198
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		730.960.652.702	746.149.015.286
Biến động các khoản phải thu	09		(159.114.156.015)	421.485.824.232
Biến động hàng tồn kho	10		502.234.977.801	(915.286.717.879)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		227.752.122.955	(270.063.892.375)
Biến động chi phí trả trước	12		(2.303.108.235)	5.373.272.268
			1.299.530.489.208	(12.342.498.468)
Tiền lãi vay đã trả	14		(116.194.473.006)	(116.880.351.513)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.927.128.592)	(109.299.631.242)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(114.122.976.759)	(81.968.533.896)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.060.285.910.851	(320.491.015.119)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2016	2015
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(162.810.445.751)	(383.694.944.808)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		17.886.173.370	6.840.199.487
Tiền chi cho tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(214.000.000.000)	-
Tiền từ thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		189.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(162.000.000)	(40.000.000)
Tiền thu từ bán khoản đầu tư dài hạn	26		9.881.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		3.324.779.075	4.102.271.636
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(156.880.493.306)	(372.792.473.685)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	87.257.500.000
Cổ đông không kiểm soát góp vốn vào công ty con	31		3.000.934.000	3.809.386.461
Tiền thu từ đi vay	33		4.668.991.943.666	6.850.464.210.247
Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.396.361.288.454)	(6.038.338.128.353)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	36		(89.398.395.000)	(194.989.224.000)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	36		(1.182.392.893)	(772.113.974)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(814.949.198.681)	707.431.630.381

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		88.456.218.864	14.148.141.577
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		190.191.854.524	176.110.705.721
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		344.504.678	7.666.345
Chênh lệch do quy đổi hoạt động ở nước ngoài	61		(56.854.663)	(74.659.119)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	278.935.723.403	190.191.854.524

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Tân Hoàng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Thôn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh thuốc trừ sâu; sản xuất và kinh doanh phân bón; nghiên cứu và sản xuất giống; dịch vụ trồng trọt; sản xuất giấy và bao bì từ giấy và bìa; sản xuất và bán buôn gạo, thực phẩm; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; làm đại lý du lịch; xây dựng và kinh doanh bất động sản.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 13 công ty con (1/1/2016: 11 công ty con), chi tiết như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ quyền sở hữu/ quyền biểu quyết	
		31/12/2016	1/1/2016
Công ty Bảo vệ thực vật An Giang – Campuchia	Kinh doanh thuốc trừ sâu	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An (*)	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Phân hữu cơ Ân Thịnh Điền (*)	Sản xuất và kinh doanh phân bón	100%	100%
Công ty TNHH Nghiên cứu và Sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao Hưng Thịnh	Nghiên cứu và sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao	76,51%	77,24%
Công ty Cổ phần Địa Ốc An Giang	Xây dựng và kinh doanh bất động sản	50,44%	50,44%
Công ty TNHH Trích ly dầu cám Vĩnh Hòa (*)	Trích ly dầu cám	60%	60%
Công ty TNHH Một Thành Viên Cà phê Hương Vị Trời	Sản xuất và bán buôn cà phê	100%	-
Công ty Cổ phần Lộc Trời Miền Bắc	Kinh doanh thuốc trừ sâu, phân bón và gạo	60%	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn vẫn chưa góp vốn vào các công ty này. Các công ty này đang trong giai đoạn trước hoạt động.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 3.549 nhân viên (1/1/2016: 3.529 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 12 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất từ 30 năm đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như là tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 năm đến 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 2 năm đến 14 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 7 năm.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc cổ phần hóa Công ty theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 19 tháng 7 năm 2004 và từ việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại khi mua lại công ty con là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Dự phòng chi phí bảo hành

Khoản dự phòng chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới công trình xây dựng và dịch vụ xây lắp máy đã thực hiện trong kỳ kế toán năm. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các công trình xây dựng và dịch vụ tương tự.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)



(p) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân phối từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn.

(q) Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm thực hiện các hoạt động phúc lợi xã hội.

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được xác định hoặc dựa trên đánh giá phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư thu được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(w) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với ước tính kế toán này.

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán thực hiện trong năm trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Thuốc bảo vệ thực vật
- Lương thực – Gạo (bao gồm hoạt động kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật và hạt giống cây trồng cho nông dân do mục đích phát triển nguồn nguyên vật liệu cho hoạt động kinh doanh lương thực)
- Hạt giống cây trồng
- Bao bì
- Xây dựng

	Thuốc bảo vệ thực vật		Lương thực – Gạo		Hạt giống cây trồng		Bao bì		Xây dựng		Loại trừ		Hợp nhất	
	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	4.728.380.430.155	4.082.626.804.158	2.241.024.610.990	2.904.891.965.103	568.018.781.819	685.440.213.113	163.777.575.433	127.879.212.331	81.847.361.278	55.048.313.291	-	-	7.783.048.759.675	7.855.886.507.996
Doanh thu giữa các bộ phận	248.499.180.656	426.609.271.038	2.096.644.744.334	2.476.085.144.569	88.725.158.222	163.177.475.400	18.072.763.533	72.970.465.480	6.932.663.838	38.817.803.447	(2.368.874.510.583)	(3.177.660.159.734)	(2.368.874.510.583)	(3.177.660.159.734)
Tổng doanh thu của bộ phận	4.976.879.610.811	4.509.236.075.196	4.247.669.355.324	5.380.977.109.472	656.743.940.041	848.617.688.513	181.850.338.966	200.849.677.811	88.780.025.116	93.866.116.738	(2.368.874.510.583)	(3.177.660.159.734)	7.783.048.759.675	7.855.886.507.996
Lợi nhuận gộp của bộ phận	1.415.524.524.045	1.267.144.595.486	75.854.949.875	225.291.533.558	78.679.606.928	196.632.114.587	31.503.268.934	34.412.860.217	12.999.843.806	10.553.269.119	1.350.869.002	3.226.220.967	1.615.913.062.590	1.737.260.593.934
Chi phí không phân bổ, thuần													(1.179.716.130.361)	(1.312.449.344.924)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	436.196.932.229	424.811.249.010											436.196.932.229	424.811.249.010
Thu nhập khác không phân bổ													30.130.684.211	26.158.851.990
Chi phí khác không phân bổ													(2.674.080.113)	(26.133.527.215)
Thuế thu nhập doanh nghiệp không phân bổ													(114.910.295.736)	(105.416.906.822)
Lợi nhuận thuần sau thuế	348.743.240.591	319.419.666.963											348.743.240.591	319.419.666.963

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Thuốc bảo vệ thực vật		Lương thực - Gạo		Hạt giống cây trồng		Bao bì		Xây dựng		Hợp nhất		
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND	
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	2.733.284.131.993	2.691.170.944.102	2.303.182.327.476	2.507.606.359.286	536.663.696.566	780.197.511.373	181.004.438.349	152.345.069.264	51.087.315.899	84.303.652.883	5.805.221.910.283	6.215.623.576.908	190.385.466.512
Tổng tài sản											6.159.104.789.029	6.406.009.003.420	
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ	966.471.951.945	1.208.578.267.134	486.053.922.938	45.428.989.117	103.217.116.580	157.579.389.293	50.159.474.131	6.726.301.787	22.229.924.724	32.336.085.156	1.628.132.390.338	1.450.649.032.487	2.850.898.317.113
Tổng nợ phải trả											3.983.092.975.788	4.301.547.349.600	
Chỉ tiêu vốn Khấu hao tài sản cố định hữu hình Khấu hao tài sản cố định vô hình và lợi thế thương mại	75.445.538.758	61.637.030.789	54.039.297.277	248.632.732.031	28.947.013.370	65.314.977.820	3.585.608.698	2.531.726.154	792.987.648	5.578.478.014	162.810.445.751	383.694.944.808	102.299.755.338
	28.987.981.396	24.351.740.616	64.640.733.474	54.267.805.999	14.371.953.086	11.204.325.102	9.744.460.522	9.731.854.503	3.051.977.433	2.744.029.118	120.797.105.911	102.299.755.338	
	1.186.367.055	1.717.598.751	257.574.844	276.944.847	108.281.760	81.211.380	-	-	61.874.267	189.298.281	1.614.097.926	2.265.051.259	

(b) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Doanh thu của Tập đoàn được phân chia theo khu vực địa lý (vị trí địa lý của khách hàng) như sau:

	Việt Nam		Châu Á (trừ Việt Nam)		Các khu vực khác		Hợp nhất	
	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	7.002.275.251.141	6.607.700.867.493	701.756.650.125	1.094.748.245.469	79.016.858.409	153.437.395.034	7.783.048.759.675	7.855.886.507.996
Chỉ tiêu vốn không phân bổ							162.810.444.808	383.694.944.808
Tài sản không phân bổ							6.159.104.789.029	6.406.009.003.420

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	13.861.235.896	35.719.463.916
Tiền gửi ngân hàng	265.074.487.507	154.472.390.608
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	<u>278.935.723.403</u>	<u>190.191.854.524</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tiền gửi ngân hàng với giá trị ghi sổ là 49.585 triệu VND (1/1/2016: 10.106 triệu VND) được thế chấp cho ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay dài hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 22(b)).

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Nguyễn Minh Hùng	11.321.143.002	11.569.185.956
Công ty TNHH Thiên Thủy Dương	11.195.607.350	11.195.607.350
Công ty TNHH Tân Sáng	10.966.813.725	-
Công ty TNHH TM-DV Kim Ngoan	9.725.180.670	-
Well Luck Co. Inc	1.253.937.860	10.987.170.986
Các khách hàng khác	1.649.242.247.123	1.407.558.398.341
	<u>1.693.704.929.730</u>	<u>1.441.310.362.633</u>

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tạm ứng cho người lao động	44.978.894.879	55.336.546.214
Phải thu nông dân	27.862.469.498	28.313.502.021
Phải thu Nhà nước từ cổ phần hóa	13.148.729.781	13.148.729.781
Chiết khấu mua hàng nhận được	3.635.123.680	8.818.420.140
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	946.943.908	847.987.908
Phải thu ngắn hạn khác	38.969.173.404	18.520.824.406
	<u>129.541.335.150</u>	<u>124.986.010.470</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2016			1/1/2016				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Nguyễn Minh Hùng	Từ 2 đến 3 năm	11.321.143.002	(4.548.487.978)	6.772.655.024	Từ 1 đến 2 năm	11.569.185.956	(3.470.755.787)	8.098.430.169
Công ty TNHH								
Thiên Thùy Dương	Trên 3 năm	11.195.607.350	(11.195.607.350)	-	Từ 2 đến 3 năm	11.195.607.350	(9.195.607.350)	2.000.000.000
Nguyễn Thị Mộng								
Tuyền	Từ 2 đến 3 năm	9.627.213.509	(4.813.606.755)	4.813.606.754	Từ 1 đến 2 năm	10.789.345.735	(1.921.466.367)	8.867.879.368
Đình Thị Phương	Từ 2 đến 3 năm	9.318.580.825	(5.982.492.538)	3.336.088.287	Từ 1 đến 2 năm	9.368.581.625	(4.191.003.763)	5.177.577.862
Lê Tam Quốc	Trên 3 năm	7.275.487.847	(7.275.487.847)	-	Từ 2 đến 3 năm	7.275.487.847	(7.248.025.727)	27.462.120
Võ Văn Nam	Trên 3 năm	6.740.573.077	(6.740.573.077)	-	Trên 3 năm	6.784.573.077	(6.784.573.077)	-
Nguyễn Văn Đề	Trên 3 năm	4.926.420.708	(4.926.420.708)	-	Từ 2 đến 3 năm	4.926.420.708	(4.126.420.708)	800.000.000
Trần Xuân Mai	Trên 3 năm	4.011.763.320	(4.011.763.320)	-	Trên 3 năm	4.011.763.320	(4.011.763.320)	-
Doanh nghiệp Tư								
nhân Bảy Giáp	Trên 3 năm	-	-	-	Trên 3 năm	7.828.087.467	(7.828.087.467)	-
Các đối tượng								
khác		221.003.751.735	(102.178.267.259)	118.825.484.476		145.484.776.648	(65.771.373.192)	79.713.403.456
		285.420.541.373	(151.672.706.832)	133.747.834.541		219.233.829.733	(114.549.076.758)	104.684.752.975

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	114.549.076.758	77.911.972.300
Trích lập dự phòng trong năm	50.699.475.726	50.022.290.948
Sử dụng dự phòng trong năm	(4.400.305)	(41.505.779)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(13.571.445.347)	(13.343.680.711)
	151.672.706.832	114.549.076.758

10. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	19.020.874.159	-	17.888.473.600	-
Nguyên vật liệu	638.468.759.890	(4.315.351.762)	977.472.881.317	-
Công cụ và dụng cụ	11.297.971.344	-	3.812.665.384	-
Sản phẩm dở dang	41.387.799.770	-	34.365.016.287	-
Thành phẩm	515.508.820.637	(18.742.089.655)	620.488.180.998	(11.299.400.663)
Hàng hóa	949.254.152.872	-	1.034.589.846.042	-
Hàng gửi đi bán	18.249.808.915	-	6.806.101.760	-
	2.193.188.187.587	(23.057.441.417)	2.695.423.165.388	(11.299.400.663)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	11.299.400.663	3.662.520.972
Trích lập dự phòng trong năm	20.941.045.047	11.288.621.663
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(9.183.004.293)	(3.651.741.972)
	23.057.441.417	11.299.400.663

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 291.572 triệu VND (1/1/2016: 121.043 triệu VND) nguyên vật liệu và thành phẩm được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	674.321.988.715	615.576.100.759	260.007.872.976	20.424.920.496	1.570.330.882.946
Tăng trong năm	4.068.723.143	32.083.680.882	22.792.942.422	1.204.138.144	60.149.484.591
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	29.352.405.001	26.881.678.404	4.869.654.059	730.704.250	61.834.441.714
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	1.688.431.739	930.109.000	-	-	2.618.540.739
Thanh lý	-	(556.810.645)	(1.273.394.254)	-	(1.830.204.899)
Số dư cuối năm	709.431.548.598	674.914.758.400	286.397.075.203	22.359.762.890	1.693.103.145.091
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	89.701.199.614	140.076.439.948	108.246.248.689	9.982.894.130	348.006.782.381
Khấu hao trong năm	33.270.343.567	56.692.150.914	27.717.427.873	3.117.183.557	120.797.105.911
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	411.791.165	564.851.056	-	-	976.642.221
Thanh lý	-	(401.389.428)	(1.138.951.170)	-	(1.540.340.598)
Phân loại lại	4.868.639	(163.508.970)	8.767.725	149.872.606	-
Số dư cuối năm	123.388.202.985	196.768.543.520	134.833.493.117	13.249.950.293	468.240.189.915
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	584.620.789.101	475.499.660.811	151.761.624.287	10.442.026.366	1.222.324.100.565
Số dư cuối năm	586.043.345.613	478.146.214.880	151.563.582.086	9.109.812.597	1.224.862.955.176

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 89.139 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 64.120 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 767.706 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn (1/1/2016: 774.966 triệu VND) (Thuyết minh 22).

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	329.672.718.310	8.878.290.673	338.551.008.983
Tăng trong năm	1.900.000.000	4.015.481.818	5.915.481.818
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.597.582.000	-	2.597.582.000
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(351.206.052)	(2.267.334.687)	(2.618.540.739)
Thanh lý	(2.916.000.000)	-	(2.916.000.000)
Số dư cuối năm	330.903.094.258	10.626.437.804	341.529.532.062
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	225.014.452	2.932.603.644	3.157.618.096
Khấu hao trong năm	279.604.811	1.272.618.848	1.552.223.659
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(976.642.221)	(976.642.221)
Số dư cuối năm	504.619.263	3.228.580.271	3.733.199.534
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	329.447.703.858	5.945.687.029	335.393.390.887
Số dư cuối năm	330.398.474.995	7.397.857.533	337.796.332.528

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 1.407 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 152 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	203.185.750.236	183.710.000.937
Tăng trong năm	96.745.479.342	274.041.067.472
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(61.834.441.714)	(222.342.585.200)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(2.597.582.000)	(24.900.840.424)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(58.735.071.898)	(7.321.892.549)
Thanh lý	(463.597.217)	-
Số dư cuối năm	176.300.536.749	203.185.750.236

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Nhà máy sản xuất gạo	54.741.441.970	74.683.351.855
Nhà máy thuốc Châu Thành	32.203.272.958	11.177.221.741
Nhà máy sản xuất phân bón Ân Thịnh Điền	30.131.002.149	47.672.487.676
Hệ thống máy ủ hạt giống	17.560.236.232	-
Nhà máy chế biến hạt giống Trảng Bàng	7.505.705.402	9.678.948.231
Nâng cấp các trại sản xuất giống	5.734.259.266	8.556.124.811
Nhà máy nghiên cứu và sản xuất giống Hưng Thịnh	-	49.068.015.900
Các dự án khác	28.424.618.772	2.349.600.022
Tổng cộng	176.300.536.749	203.185.750.236

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ của là 54.741 triệu VND (1/1/2016: 74.683 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 22(b)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng. Các khoản tiền gửi này hưởng lãi suất năm từ 8,7% đến 9%.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		1/1/2016			
	% vốn sở hữu/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	% vốn sở hữu/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
• Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	-	-	-	5%	10.893.000.000	(1.713.000.000)
• Các đơn vị khác		202.000.000	-		40.000.000	-
		<u>202.000.000</u>	-		<u>10.933.000.000</u>	<u>(1.713.000.000)</u>

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	1.713.000.000	543.000.000
Trích lập dự phòng trong năm	-	1.170.000.000
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.012.000.000)	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(701.000.000)	-
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>1.713.000.000</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phí bảo hiểm trả trước	1.474.289.643	2.743.235.443
Chi phí thuê hoạt động trả trước	3.732.310.510	3.046.172.336
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.249.726.837	1.982.933.317
	10.456.326.990	7.772.341.096

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí	Công cụ và	Tổng
	đất trả trước	dụng cụ	Tổng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	6.876.814.509	66.458.724.211	73.335.538.720
Tăng trong năm	9.186.673.113	47.221.888.658	56.408.561.771
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	55.538.616.000	3.196.455.898	58.735.071.898
Phân bổ trong năm	(5.951.433.616)	(50.838.005.814)	(56.789.439.430)
	65.650.670.006	66.039.062.953	131.689.732.959

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận cho:</i>		
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	6.831.871.097	3.137.040.482
Dự phòng trợ cấp thôi việc	9.439.344.821	11.553.798.439
Lợi nhuận chưa thực hiện	873.949.823	2.001.646.068
Phải trả ngắn hạn khác	302.481.550	-
	17.447.647.291	16.692.484.989

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	10.618.742.671
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	10.185.622.801
Phân bổ trong năm	61.874.267
Số dư cuối năm	10.247.497.068
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	433.119.870
Số dư cuối năm	371.245.603

18. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2016	1/1/2016
	Giá gốc/Số có	Giá gốc/Số có
	khả năng trả nợ	khả năng trả nợ
	VND	VND
Công ty TNHH Syngenta Việt Nam	1.254.803.250.645	1.061.981.879.466
Eastchem Co., Ltd	66.643.444.780	72.756.133.450
Dow Agro-Sciences (Malaysia) Sdn Bhd	66.246.150.000	-
Công ty TNHH UPL Việt Nam	36.730.284.150	25.007.513.265
Các nhà cung cấp khác	120.821.391.777	110.265.062.264
	1.545.244.521.352	1.270.010.588.445

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã cấn trừ trong năm VND	Số được hoàn trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.088.477.282	420.998.212.529	(356.336.754.876)	-	(53.567.691.852)	13.182.243.083
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.106.221.826	115.665.458.038	(50.062.310.992)	-	(8.927.128.592)	57.782.240.280
Thuế thu nhập cá nhân	7.090.505.105	33.005.966.788	(7.459.569)	(10.913.242.742)	(22.090.248.333)	7.085.521.249
Các loại thuế khác	2.182.491.209	8.994.168.108	(2.104.119.519)	-	(8.970.262.455)	102.277.343
	12.467.695.422	578.663.805.463	(408.510.644.956)	(10.913.242.742)	(93.555.331.232)	78.152.281.955

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã thu trong năm VND	Số đã cấn trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	50.062.310.992	-	-	- (50.062.310.992)	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	282.834.126	-	-	-	282.834.126
Thuế nhập khẩu nộp thừa	2.425.312	-	-	-	2.425.312
	50.347.570.430	-	-	- (50.062.310.992)	285.259.438

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí khuyến mãi bán hàng phải trả cho đại lý	52.085.789.616	82.424.731.313
Chi phí hội nghị khách hàng	4.936.307.500	46.000.000.000
Chi phí lãi vay	3.003.047.511	4.235.259.896
Phân phối nhượng quyền thương mại	990.593.756	3.367.357.223
Chi phí phải trả khác	1.266.619.778	1.104.208.744
	62.282.358.161	137.131.557.176

21. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Cổ tức phải trả của Công ty	113.253.975.000	1.168.920.000
Cổ tức phải trả của một công ty con	11.880.963	4.836.856
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	5.307.763.083	7.433.194.850
Bảo hiểm y tế, xã hội và thất nghiệp phải trả	2.210.350.006	1.739.724.679
Phải trả ngắn hạn khác	10.156.362.856	1.778.368.511
	130.940.331.908	12.125.044.896

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND		Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	2.024.241.605.309		4.668.991.943.666	(5.095.351.488.454)	4.828.025.784	1.602.710.086.305
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22(b))	301.009.800.000		302.734.600.000	(301.009.800.000)	-	302.734.600.000
	2.325.251.405.309		4.971.726.543.666	(5.396.361.288.454)	4.828.025.784	1.905.444.686.305

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn còn số dư như sau:

	Thuyết minh	Loại tiền	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered Bank (Việt Nam), Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(a)	VND	148.108.653.202	186.292.377.771
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(b)	VND	92.343.409.950	4.678.554.000
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam)	(c)	VND	24.458.401.800	107.631.267.584
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(d)	VND	129.408.819.652	491.989.174.856
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh An Giang	(e)	VND	159.934.018.592	394.174.066.070
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(f)	VND	93.670.367.500	288.970.311.413
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Chi nhánh An Giang	(g)	VND	3.517.200.349	13.076.963.134
Ngân hàng Mizuho Corporate Bank Ltd, Chi nhánh Hà Nội	(h)	USD	478.002.000.000	315.560.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Kỳ Đồng	(i)	VND	442.138.234.400	200.015.094.481
Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(j)	VND	14.025.904.380	20.989.416.000
Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(j)	USD	16.913.076.480	-
Quỹ Công đoàn	(k)	VND	190.000.000	44.380.000
Các cá nhân		VND	-	820.000.000
			1.602.710.086.305	2.024.241.605.309



Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- a. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 19,9 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND và chịu lãi suất năm từ 4,5% đến 5,0% (2015: từ 7% đến 7,8%).
- b. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 15 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND và chịu lãi suất năm là 4,9% (2015: từ 4,8% đến 5,5%).
- c. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 30 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND và chịu lãi suất năm từ 4,5% đến 5,6% (2015: từ 4,7% đến 5,3%).
- d. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 550 tỷ VND và chịu lãi suất năm từ 4,8% đến 5,0% (2015: từ 4,5% đến 6,1%).
- e. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 1.000 tỷ VND và chịu lãi suất năm từ 4,8% đến 5,5% (2015: từ 4,5% đến 5,0%).
- f. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 500 tỷ VND và chịu lãi suất năm từ 4,8% đến 5,0% (2015: từ 4,8% đến 5,5%).
- g. Khoản vay này của Công ty Cổ phần Địa Ốc An Giang, một công ty con, bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 4.900 triệu VND (1/1/2016: 6.104 triệu VND) (Thuyết minh 11), có hạn mức là 40 tỷ VND và chịu lãi suất năm từ 6,5% đến 7% (2015: từ 7% đến 8%).
- h. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 14 triệu USD và chịu lãi suất năm từ 2,0% đến 2,3% (2015: từ 2,0% đến 2,1%).
- i. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 600 tỷ VND và chịu lãi suất năm là 4,6% đến 5,0% (2015: 4,7%).
- j. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 25 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND và chịu lãi suất năm từ 4,7% đến 4,9% (2015: 4,7%) cho khoản vay bằng VND và 2,0% cho khoản vay bằng USD.
- k. Khoản vay từ Quỹ Công đoàn không được bảo đảm và chịu lãi suất năm là 7% (2015: 7,8%).

(b) Vay dài hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Vay dài hạn	376.456.250.000	672.769.500.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 22(a))	(302.734.600.000)	(301.009.800.000)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	73.721.650.000	371.759.700.000
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư như sau:

	Thuyết minh	Loại tiền	Năm đáo hạn	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Standard Chartered Bank (Mauritius) Limited	(a)	USD	2018	4,5% – 4,8%	355.656.250.000	651.969.500.000
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered Bank (Việt Nam), Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(b)	VND	2018	8,2%	20.800.000.000	20.800.000.000
					376.456.250.000	672.769.500.000

a. Khoản vay này có hạn mức là 34 triệu USD, được bảo đảm bằng tài khoản Thu Tiền Xuất Khẩu và tài khoản Dự Trữ Trả Nợ của Công ty với giá trị ghi sổ là 49.585 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 10.106 triệu VND) (Thuyết minh 6) và động sản với giá trị ghi sổ là 429.339 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 451.734 triệu VND) thuộc về nhà máy xay gạo hiện đang vận hành và nhà máy hình thành trong tương lai của các công ty con sau:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc; và
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An.

Khoản vay này chịu lãi suất năm bằng chi phí huy động vốn của ngân hàng cộng 3,5%, có thời gian ân hạn 1 năm và được trả hàng quý bắt đầu và kỳ cuối cùng được trả vào năm 2018.

b. Khoản vay này có hạn mức là 20,8 tỷ VND, được bảo đảm bằng tài khoản Thu Tiền Xuất Khẩu và tài khoản Dự Trữ Trả Nợ của Công ty cùng với khoản vay (a) nêu trên và bất động sản với giá trị ghi sổ là 388.208 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 391.811 triệu VND) thuộc về nhà máy xay gạo hiện đang vận hành và nhà máy hình thành trong tương lai của các công ty con trong danh sách nêu ở của khoản vay (a). Khoản vay này chịu lãi suất năm bằng chi phí huy động vốn của ngân hàng cộng 3,5%, có thời gian ân hạn 1 năm và được trả hàng quý và kỳ cuối cùng được trả vào năm 2018.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	84.567.293.971	76.407.204.754
Trích từ lợi nhuận chưa phân phối	48.782.580.420	75.870.823.000
Sử dụng quỹ trong năm	(85.441.283.672)	(67.710.733.783)
Số dư cuối năm	47.908.590.719	84.567.293.971

24. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	Bảo hành xây dựng và xây lắp VND	Trợ cấp thôi việc VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	2.909.807.011	57.768.992.195	60.678.799.206
Trích lập dự phòng trong năm	1.171.469.797	-	1.171.469.797
Sử dụng dự phòng trong năm	(359.190.328)	(608.199.750)	(967.390.078)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(628.779.940)	(9.964.068.339)	(10.592.848.279)
Số dư cuối năm	3.093.306.540	47.196.724.106	50.290.030.646

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09- DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	652.050.000.000	238.950.000.000	507.495.741	596.331.903.818	157.818.001.656	344.999.475.616	18.263.055.627	2.008.919.932.458
Phát hành cổ phiếu	19.561.500.000	39.123.000.000	-	-	-	-	-	58.684.500.000
Cổ đồng không kiểm soát góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	-	3.809.386.461	3.809.386.461
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ lệ sở hữu mà không thay đổi quyền kiểm soát trong công ty con	-	-	-	-	-	(440.858.901)	440.858.901	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	319.008.552.904	411.114.059	319.419.666.963
Trích lập các quỹ	-	-	-	198.455.034.086	35.107.503.000	(233.562.537.086)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(75.870.823.000)	-	(75.870.823.000)
Chênh lệch do quy đổi hoạt động ở nước ngoài	-	-	(74.659.119)	-	-	-	-	(74.659.119)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	-	(195.391.599.000)	(776.950.830)	(196.168.549.830)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(14.257.800.113)	-	-	(14.257.800.113)
Hoàn nhập các quỹ	-	-	-	(123.575.135.158)	-	123.575.135.158	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	671.611.500.000	278.073.000.000	432.836.622	671.211.802.746	178.667.704.543	282.317.345.691	22.147.464.218	2.104.461.653.820

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lạc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đổi VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	671.611.500.000	278.073.000.000	432.836.622	671.211.802.746	178.667.704.543	282.317.345.691	22.147.464.218	2.104.461.653.820
Cổ đông không kiểm soát góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	-	3.000.934.000	3.000.934.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	347.028.067.026	1.715.173.565	348.743.240.591
Trích lập các quỹ	-	-	-	40.627.897.904	29.570.256.000	(70.198.153.904)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(48.782.580.420)	-	(48.782.580.420)
Chênh lệch do quy đổi hoạt động ở nước ngoài	-	-	(56.854.663)	-	-	-	-	(56.854.663)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	-	(201.483.450.000)	(1.189.437.000)	(202.672.887.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(28.681.693.087)	-	-	(28.681.693.087)
Hoàn nhập các quỹ	-	-	-	(25.978.326.622)	-	25.978.326.622	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	671.611.500.000	278.073.000.000	375.981.959	685.861.374.028	179.556.267.456	334.859.555.015	25.674.134.783	2.176.011.813.241

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09- DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000
Vốn cổ phần phổ thông đã phát hành	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000
	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần của Nhà nước	16.221.600	162.216.000.000	16.221.600	162.216.000.000
Vốn cổ phần của các cổ đông khác	50.939.550	509.395.500.000	50.939.550	509.395.500.000
	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Tập đoàn.

27. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 10 tháng 6 năm 2016 đã quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2015 là 201.483 triệu VND, tương đương 3.000 VND mỗi cổ phiếu (2015: 195.392 triệu VND, tương đương 3.000 VND mỗi cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09- DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê tài sản

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng 1 năm	4.229.849.838	2.097.875.213
Trong vòng 2 đến 5 năm	6.293.884.601	5.016.683.124
Sau 5 năm	12.708.342.594	11.151.149.951
	23.232.077.033	18.265.708.288

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.408.030	54.531.876.643	1.715.726	38.518.320.006
EUR	145	3.467.370	-	-
		54.535.344.013		38.518.320.006

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	19.706.528.446	3.669.270.996

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09- DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016	2015
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Thuốc bảo vệ thực vật	4.866.550.126.814	4.170.062.010.805
▪ Lương thực – Gạo	2.258.184.590.499	2.914.975.276.917
▪ Hạt giống cây trồng	629.574.845.101	748.615.081.455
▪ Bao bì	163.777.575.433	127.879.212.331
▪ Xây dựng	82.118.084.674	55.048.313.291
▪ Khác	1.416.871.345	10.411.187.755
	<hr/> 8.001.622.093.866	<hr/> 8.026.991.082.554
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	124.054.087.414	169.475.873.881
▪ Hàng bán bị trả lại	94.519.246.777	1.628.700.677
	<hr/> 218.573.334.191	<hr/> 171.104.574.558
Doanh thu thuần	<hr/> <hr/> 7.783.048.759.675	<hr/> <hr/> 7.855.886.507.996

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09- DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Giá vốn hàng bán

	2016	2015
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của		
▪ Thuốc bảo vệ thực vật	3.314.842.007.680	2.799.580.039.861
▪ Lương thực – Gạo	2.164.017.740.644	2.679.600.431.545
▪ Hạt giống cây trồng	488.515.817.897	488.808.098.526
▪ Bao bì	132.737.884.124	93.466.352.114
▪ Xây dựng	66.561.030.529	51.510.769.067
▪ Khác	461.216.211	5.660.222.949
	6.167.135.697.085	6.118.625.914.062

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi và lãi cho vay	1.524.779.075	3.652.271.636
Cổ tức	1.800.000.000	450.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	21.251.842.525	19.945.479.423
Doanh thu hoạt động tài chính khác	367.422.802	388.578.254
	24.944.044.402	24.436.329.313

32. Chi phí tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	114.939.772.220	118.328.224.198
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	18.051.560.697	24.366.161.788
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	8.733.938.594	52.583.576.144
Chiết khấu thanh toán	387.343.601	3.499.649.979
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	1.170.000.000
Chi phí tài chính khác	7.738.033.857	5.511.001.134
	149.850.648.969	205.458.613.243

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09- DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí bán hàng

	2016 VND	2015 VND
Chi phí cho nhân viên	206.967.091.909	154.978.065.085
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	190.325.090.495	223.548.551.252
Chi phí vận chuyển	45.392.923.971	61.853.446.976
Chi phí hội nghị khách hàng	36.583.014.404	102.859.807.611
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.922.654.598	39.724.284.722
Chi phí vật liệu bao bì	35.847.378.747	34.995.983.248
Công tác phí	31.777.351.976	27.612.975.851
Chi phí xuất khẩu	17.623.950.731	22.226.841.799
Khấu hao và phân bổ	14.120.206.482	12.982.218.678
Chi phí khác	13.307.336.237	9.666.687.121
	627.866.999.550	690.448.862.343

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí cho nhân viên	229.953.970.277	265.941.338.477
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	37.128.030.379	36.320.388.517
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.753.170.070	28.642.849.252
Chi phí giao tế	21.712.164.363	26.229.108.872
Khấu hao và phân bổ	19.882.463.788	18.474.867.947
Công tác phí	12.160.240.958	13.322.177.031
Chi phí đồ dùng văn phòng	9.300.908.888	12.256.151.273
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	6.737.272.009	6.249.173.392
Chi phí khác	57.314.305.512	33.542.143.890
	426.942.526.244	440.978.198.651

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09- DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Thu nhập khác

	2016 VND	2015 VND
Hỗ trợ từ các đối tác	9.240.973.257	12.243.424.041
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang	14.302.109.091	-
Thu nhập từ khuyến mãi bán hàng và hỗ trợ bán hàng	640.769.616	1.553.997.049
Thu nhập khác	5.946.832.247	12.361.430.900
	30.130.684.211	26.158.851.990

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	5.492.262.145.553	5.765.555.231.379
Chi phí nhân công	548.942.353.961	629.776.567.185
Chi phí khấu hao và phân bổ	122.411.203.837	104.564.808.597
Chi phí dịch vụ mua ngoài	425.921.001.216	464.156.642.634
Chi phí khác	232.287.359.955	285.999.725.260

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09- DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2016 VND	2015 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành Năm hiện tại	115.665.458.038	103.395.650.285
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(755.162.302)	2.021.256.537
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	114.910.295.736	105.416.906.822

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	463.653.536.327	424.836.573.785
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	92.730.707.265	93.464.046.233
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	4.354.298.048	(847.496.448)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	-	1.469.083.892
Chi phí không được khấu trừ thuế	6.655.458.936	7.984.587.810
Thu nhập không bị tính thuế	(360.000.000)	(99.000.000)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không ghi nhận	11.856.705.718	6.757.402.877
Sử dụng lợi ích của lỗ tính thuế chưa được ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(326.874.231)	(3.311.717.542)
	114.910.295.736	105.416.906.822

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2015: 22%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09- DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Theo Công văn số 6333/BTC-TCT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Công ty TNHH Một Thành Viên mới thành lập của Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo diện doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư nếu thực tế đáp ứng các điều kiện ưu đãi đầu tư. Theo đó, thuế suất áp dụng đối với các công ty TNHH Một Thành Viên như sau:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình và Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong thời gian 10 năm kể từ năm đầu hoạt động theo các điều khoản của luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các quy định hiện hành về thuế đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 (“Nghị định 124”) của Chính phủ cho phép các công ty này được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 4 năm tiếp theo.

Ngoài ra, theo quy định của Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015, các doanh nghiệp có thu nhập từ chế biến nông sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 6 tháng 8 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 trở đi.

Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu các công ty này không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong 3 năm liên tiếp từ năm đầu tiên các công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn, Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng và Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong thời gian 15 năm theo các điều khoản của luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các quy định hiện hành về thuế đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 124 của Chính phủ cho phép các công ty này được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Ngoài ra, theo quy định của Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015, các doanh nghiệp có thu nhập từ chế biến nông sản ở địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn được miễn thuế trong suốt thời gian hoạt động. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 6 tháng 8 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 trở đi.

- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% (2015: 22%) trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09- DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và luật thuế thu nhập doanh nghiệp, các công ty con khác có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập như sau:

- Công ty Bảo vệ thực vật An Giang – Campuchia có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% (2015: 22%) trên lợi nhuận tính thuế.
- Công ty Cổ Phần Địa Ốc An Giang, Công ty TNHH Một Thành Viên Phân hữu cơ Ân Thịnh Điền, Công ty TNHH Nghiên cứu và Sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao Hưng Thịnh, Công ty TNHH Một Thành Viên Cà phê Hương Vị Trời, Công ty Cổ phần Lộc Trời Miền Bắc và Công ty TNHH Trích ly dầu cá Vĩnh Hòa có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% (2015: 22%) trên lợi nhuận tính thuế.

38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán năm và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 67.161.150 cổ phiếu (2015: 66.183.075 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) **Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	2016 VND	2015 VND (đã điều chỉnh lại)	2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	347.028.067.026	319.008.552.904	319.008.552.904
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	52.054.210.054	48.782.580.420	-
	294.973.856.972	270.225.972.484	319.008.552.904

(*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 được ước tính bằng 15% lợi nhuận trong năm của Tập đoàn. Tỷ lệ này bằng với tỷ lệ phân bổ được các cổ đông phê duyệt cho các năm trước. Liên quan đến số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn đã điều chỉnh lại số thực tế phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09- DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Số lượng cổ phiếu	
	2016	2015
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	67.161.150	65.205.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	978.075
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	67.161.150	66.183.075

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 1 tháng 1 năm 2016, Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm tàng.

39. Các hoạt động tài chính phi tiền tệ

	2016	2015
	VND	VND
Cổ tức đã công bố nhưng chưa chi trả	113.265.855.963	1.173.756.856

40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2016	2015
	VND	VND
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tiền lương và thưởng	22.687.877.600	36.259.375.270
Thành viên Ban Kiểm soát Tiền lương và thưởng	5.465.355.341	7.231.324.763

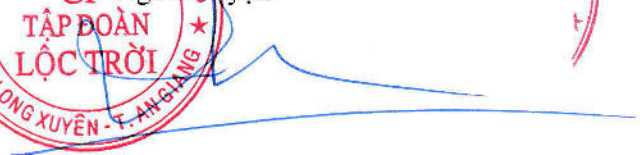
Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Tấn Hoàng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Thôn
 Tổng Giám đốc

